TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2024/HC-PT
Ngày 30 tháng 01 năm 2024.
V/v: "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa.

Các thẩm phán: Ông Ngô Đức Thọ.

Ông Lê Hoàng Tấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Hiển - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Trần Đăng Ry - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 30 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 805/2023/TLPT-HC ngày 06 tháng 11 năm 2023 về việc: "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 103/2023/HC-ST ngày 22 tháng 8 năm 2023 Tòa án nhân dân tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3213/2023/QĐ-PT ngày 26 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Phan Thị Bích T, sinh năm 1972. Địa chỉ: Ấp A, xã L, huyện T, tỉnh Long An (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện (Theo văn bản ủy quyền ngày 26/01/2024): Ông Hồ Quang T1, sinh năm 1960. Địa chỉ: Ấp A, xã L, huyện T, tỉnh Long An (có mặt).

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Nguyễn Văn Q, chức vụ Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T (vắng mặt và có văn bản xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Hoàng N, chức vụ Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Bùi Văn M, sinh năm 1969. Địa chỉ: Ấp A, xã L, huyện T, tỉnh Long An (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Bùi Văn M*:* Bà Bùi Thị M1, sinh 1957, Địa chỉ: Ấp A, xã L, huyện T, tỉnh Long An (có mặt).

4. Người kháng cáo: Ông Bùi Văn M là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai của người khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trong suốt quá trình tham gia tố tụng như sau:

Nguồn gốc thửa đất 622, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại ấp A, xã L, huyện T do ông của bà Phan Thị Bích T là ông Bùi Văn L khai vỡ từ trước 1945. Sau đó, ông L để lại cho 03 người con là Bùi Thị S, Bùi Thị T2 và Bùi Thị P. Do ba người trên không có chồng, con nên sống chung với cháu là Bùi Thị T3 và được bà T3 trực tiếp nuôi dưỡng nên bà S, bà T2 và bà P chết để lại một phần thửa đất số 622 cho bà T3 (mẹ bà T) sử dụng từ 1988 đến nay. Bà T3 đã cất nhà kiên cố, sử dụng ổn định không ai tranh chấp. Bà T3 chỉ có 01 người con duy nhất là bà T, do tuổi cao, sức khỏe yếu bà T3 giao lại 01 phần thửa đất 622 cho bà T quản lý, sử dụng cho đến nay. Nhưng Ủy ban nhân dân huyện T cấp quyền sử dụng đất cho ông Bùi Văn M toàn bộ thửa đất 622, trong khi ông M chỉ quản lý, sử dụng 01 phần thửa đất 622.

Do đó bà Phan Thị Bích T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 548659 cấp cho ông M ngày 4/6/2013, để bà đăng ký cấp lại cho đúng vị trí, diện tích và đối tượng sử dụng.

Tại Văn bản số 4722/UBND-NC ngày 08/8/2023 của người bị kiện - Ủy ban nhân dân huyện T *trình bày như sau:*

Năm 1995 ông Bùi Văn T4 có đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong đó có thửa 622, tờ bản đồ số 7, diện tích 1596m^2, loại đất thổ cư, nguồn gốc do ông, bà để lại. Năm 1996, Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng số A 340182 cho ông Bùi Văn T4. Quá trình cấp giấy, UBND căn cứ vào hồ sơ địa chính, không đo đạc thực tế. Ngày 20/4/2004, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T4 được chỉnh lý biến động sang tên bà Nguyễn Thị B.

Ngày 04/5/2013, ông Bùi Văn M có đơn xin nhận di sản thừa kế trong đó có thửa 622, tờ bản đồ số 7. Ngày 4/6/2013 ông M được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 548650 thửa 622, tờ bản đồ số 7, diện tích 1596m^2. Quá trình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Bùi Văn M căn cứ trích lục bản đồ địa chính, không đo đạc thực tế.

Do đó đối với yêu cầu khởi kiện, Ủy ban nhân dân huyện T đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - ông Bùi Văn M *ủy quyền bà* Bùi Thị M1 *đại diện trình bày:*

Nguồn gốc thửa đất 622 ông M được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do ông, bà để lại, ông M nhận thừa kế từ bà B. Đất từ sau 1975 vẫn để cho bà T3 và bà T cất nhà ở, nhưng ông M không đồng ý tách thửa cho bà T. Do đó, bà M1 đại diện cho ông M không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của bà T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 103/2023/HC-ST ngày 22 tháng 8 năm 2023 Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Bích T:

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 548650 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho ông Bùi Văn M ngày 04/6/2013 đối với thửa đất 622, tờ bản đồ số 7, diện tích 1596m^2; tọa lạc tại ấp A, xã L, huyện T, tỉnh Long An.

- Bà Phan Thị Bích T và ông Bùi Văn M được quyền đăng ký kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/8/2023, ông Bùi Văn M là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Bích T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Bùi Thị M1 đại diện ông Bùi Văn M vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T, lý do: Toàn bộ thửa đất số 622, tờ bản đồ số 7, diện tích 1596m^2; tọa lạc tại ấp A, xã L, huyện T, tỉnh Long An hiện nay thuộc quyền sử dụng của ông M. Nguồn gốc đất do ông M được thừa kế từ cụ B, việc bà T3 và nay bà T cất nhà ở trên đất là do cụ B cho cất nhà ở nhờ từ sau năm 1975.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện không đồng ý với ý kiến trình bày và yêu cầu kháng cáo của phía ông M, đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của ông M, giữ nguyên án sơ thẩm.

Tại phần tranh luận:

- Bà Bùi Thị M1 đại diện ông Bùi Văn M trình bày: Bà vẫn giữ nguyên ý kiến, quan điểm không đồng ý hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND huyện T đã cấp cho ông M như đã trình bày nêu trên.

- Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện không tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo quy định của Luật Tố tụng hành chính. Các đương sự đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Bản án sơ thẩm đã giải quyết đúng pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Bùi Văn M kháng cáo nhưng tại cấp phúc thẩm không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông M, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Bùi Văn M hợp lệ, trong thời hạn luật định, đủ điều kiện để xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt). Căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Tòa án xét xử vắng mặt người bị kiện.

[3] Về đối tượng khởi kiện, quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện.

Người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 548650 do UBNND huyện T cấp cho ông Bùi Văn M ngày 04/6/2013 đối với thửa đất 622, tờ bản đồ số 7. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ tranh chấp và thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính năm 2015. Vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng Hành chính.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Bùi Văn M.

[4.1] Về thẩm quyền ban hành quyết định hành chính:

Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 548650 ngày 04/6/2013 cho ông Bùi Văn M đối với thửa đất 622, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại xã L, huyện T, tỉnh Long An là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 37 Luật Đất đai 2003.

[4.2] Về nội dung của quyết định hành chính:

[4.2.1] Xét ý kiến trình bày của bà bà T, bà M1 phù hợp với Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân tỉnh Long An ngày 26/7/2023, phù hợp với ý kiến trình bày của người bị kiện, có cơ sở xác định: Việc Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Bo 548650 ngày 04/6/2013 cho ông Bùi Văn M đối với thửa đất 622, tờ bản đồ số 7 chỉ dựa vào

hồ sơ địa chính, không đo vẽ, kiểm tra hiện trạng sử dụng đất dẫn đến việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng toàn bộ thửa đất 622 cho ông M, trong khi trên thực tế trên thửa đất 622 có hai chủ sử dụng là bà T và ông M; trên thửa đất 622 có 02 căn nhà cấp 4 của ông M và bà T đã sử dụng ổn định từ sau 1975, không ai tranh chấp; giữa phần đất của và T và ông M sử dụng có trồng cột ranh rõ ràng; phía người bị kiện – UBND huyện T cũng đồng ý với yêu cầu khởi kiện hủy giấy chứng nhận QSDĐ của người khởi kiện.

[4.2.2] Như vậy, việc Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng toàn bộ thửa đất 622 cho ông M là không đúng vị trí, đối tượng sử dụng đất, là trái với quy định Điều 49, Điều 50, 105 Luật Đất đai năm 2105, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T. Bản án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên để các bên làm thủ tục cấp lại cho phù hợp là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Tại cấp phúc thẩm, phía ông M không cung cấp được thêm tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có căn cứ. Do đó, không có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông M. Bản án sơ thẩm đã giải quyết đúng pháp luật, cần giữ nguyên.

[6] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông M, giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm số 103/2023/HC-ST ngày 22 tháng 8 năm 2023 Tòa án nhân dân tỉnh Long An là phù hợp với chứng cứ và nhận định trên của Hội đồng xét xử, được chấp nhận.

[7] Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng cáo, kháng nghị phát sinh hiệu lực pháp luật từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông Bùi Văn M phải chịu án phí hành chính phúc thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo qui định tại Khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính năm 2015; khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Bùi Văn M, giữ nguyên Quyết định của bản án hành chính sơ thẩm số 103/2023/HC-ST ngày 22 tháng 8 năm 2023 Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Bích T:

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 548650 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho ông Bùi Văn M ngày 04/6/2013 đối với thửa đất 622, tờ bản đồ số 7, diện tích 1596m^2; tọa lạc tại ấp A, xã L, huyện T, tỉnh Long An.

- Bà Phan Thị Bích T và ông Bùi Văn M được quyền đăng ký kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2. Quyết định khác của Bản án sơ thẩm về chi phí thẩm định, án phí hành chính sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Bùi Văn M phải chịu án phí hành chính phúc thẩm 300.000đ, được trừ vào tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm ông M đã nộp theo biên lai thu số 0000031 ngày 24/8/2023 của Cục T5 hánh án dân sự tỉnh Long An. Sau khi cấn trừ, ông M đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân tỉnh Long An;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án, PQH.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Hoa